

NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI DẠI DẰNG CỦA BỆNH DỊCH HẠCH Ở HUYỆN ĐẮK ĐOÀ, TỈNH GIA LAI, LỰA CHỌN BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG HIỆU QUẢ, AN TOÀN VÀ KINH TẾ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN ĐỊA PHƯƠNG

ĐẶNG TUẤN ĐẠT & CS
Khoa CT,DT,VK Viện VSĐT - Tây nguyên
TTY Huyện ĐăkĐoà, TTYTDP Gia Lai

ĐẶT VẤN ĐỀ:

Sau hơn 1 thế kỷ lưu hành ở Việt Nam, dịch hạch đã được khống chế rõ rệt. Trong những năm gần đây, số mắc và tử vong đã giảm cũng như diện dịch thu hẹp, chỉ còn ghi nhận lưu hành dai dẳng tại một số xã thuộc huyện Đăk Đoà, tỉnh Gia Lai (1). Tuy đã can thiệp bằng một số biện pháp song tình hình dịch hạch ở huyện Đăk Đoà, tỉnh Gia Lai vẫn xảy ra liên tục và có khả năng lây lan rộng tới các vùng khác trong khu vực và cả nước làm ảnh hưởng tới sức khoẻ cộng đồng, kinh tế xã hội... của địa phương và ảnh hưởng đến giao lưu, quan hệ quốc tế.

Việc nghiên cứu xác định nguyên nhân tồn tại dai dẳng bệnh dịch hạch tại địa phương và ứng dụng các biện pháp phòng chống dịch hạch tại huyện Đăk Đoà, tỉnh Gia Lai làm mô hình áp dụng cho các địa phương khác có điều kiện tương tự là công việc quan trọng và thật sự cần thiết, vì vậy chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu sau:

Xác định một số nguyên nhân tồn tại dai dẳng bệnh dịch hạch tại địa phương.

Lựa chọn được biện pháp phòng chống dịch hạch có hiệu quả, an toàn, phù hợp với điều kiện ở địa phương và áp dụng cho những nơi có điều kiện tương tự.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP:

1. Địa điểm nghiên cứu:

Điểm nghiên cứu là 3 xã trọng điểm của bệnh dịch hạch (xã Ia Pét, Ia Băng và Glar), huyện Đăk Đoà, tỉnh Gia Lai.

2. Thời gian nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1-2001 đến tháng 12/2003.

3. Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu về dịch tễ học mô tả bệnh nhân dịch hạch (BNDH), vật chủ, trung gian truyền bệnh và vi sinh vật dịch hạch theo thường quy của Bộ Y tế (2).

Sử dụng phương pháp bệnh - chứng để đánh giá một số nguyên nhân bệnh dịch tồn tại dai dẳng.

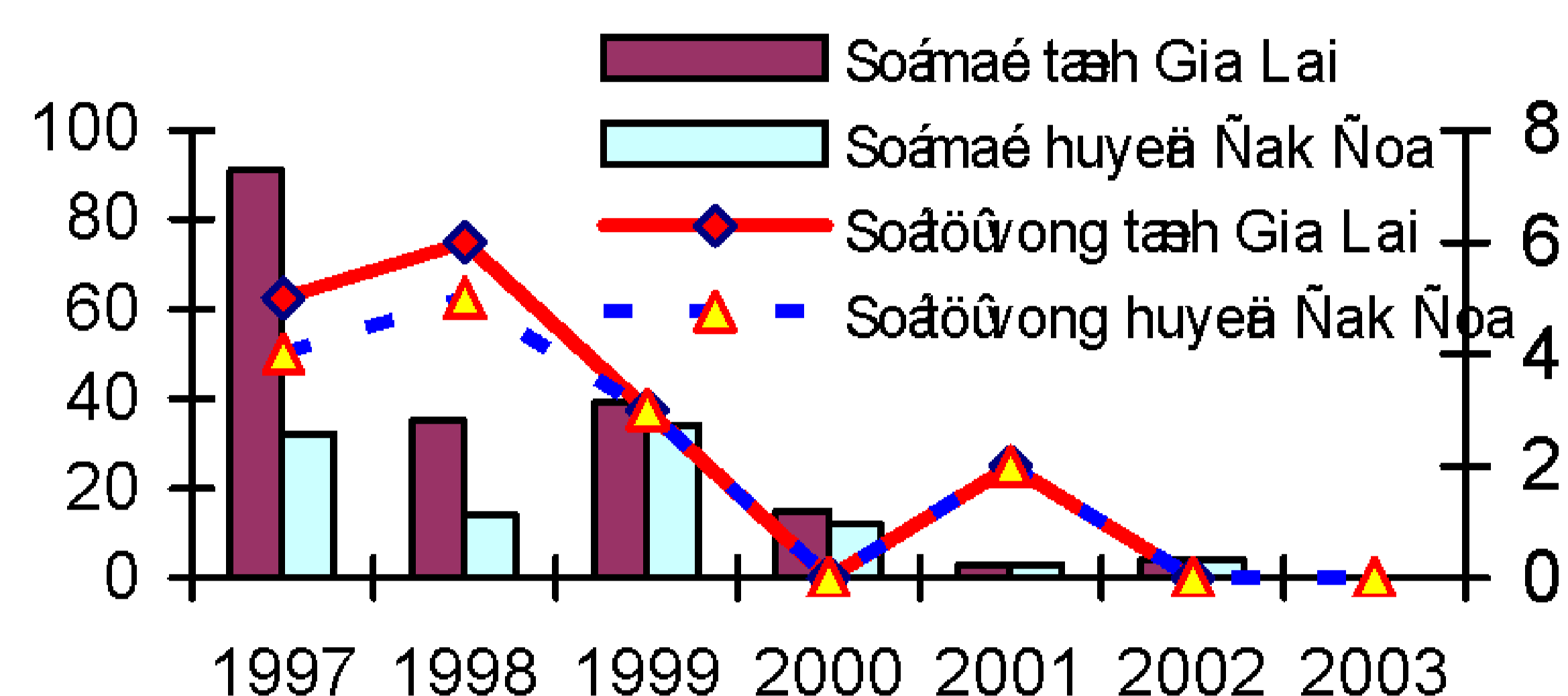
Dùng phương pháp dịch tễ học hồi cứu và tiến cứu để nhận định tình hình dịch và đánh giá kết quả của các biện pháp phòng chống triển khai như:

- Giáo dục truyền thông trong cộng đồng.
- Diệt bọ chét: Bằng phun và rắc hoá chất (phun hoá chất Permethrine 50 EC với liều 0,2g/m² và rắc Diazinon 10% dạng bột). Đặt hộp môi Kartmant.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Một số kết quả nghiên cứu về dịch tễ học

1.1. Tình hình BNDH của huyện Đăk Đoà và tỉnh Gia Lai, 1997-2003



Hình 1. Số mắc và tử vong bệnh dịch hạch từ năm 1997-2003

Liên tục ghi nhận BNDH tại tỉnh Gia Lai nói chung và huyện Đăk Đoà nói riêng, từ năm 1997 đến 2002. Trong đó, từ năm 1999 đến 2002, BNDH ở tỉnh Gia Lai ghi nhận chủ yếu ở huyện Đăk Đoà. Tất cả số tử vong sau năm 1999 và số mắc trong 2 năm 2001 và 2002 của tỉnh Gia Lai là ghi nhận ở huyện Đăk Đoà.

1.2. Kết quả điều tra vật chủ và trung gian truyền bệnh

Bảng 1: Kết quả điều tra thành phần loài chuột và bọ chét tại Đăk Đoà

Năm	Vật chủ		Số lượng <i>X. cheopis</i>	Chỉ số bọ chét
	Loài	Số lượng		
2001	<i>R. exulans</i>	338	195	0,58
	<i>R. nitidus</i>	37	62	1,68
	<i>R. rattus</i>	22	0	0
	<i>S. murinus</i>	112	119	1,06
	<i>R. argentiventer</i>	7	10	1,42
	Tổng số	516	386	0,75
2002	<i>R. exulans</i>	497	289	0,58
	<i>R. nitidus</i>	42	82	1,95
	<i>R. rattus</i>	8	2	0,25
	<i>S. murinus</i>	215	186	0,87
	Tổng số	762	559	0,73
2003	<i>R. exulans</i>	543	289	0,53
	<i>R. nitidus</i>	16	24	1,50
	<i>S. murinus</i>	237	249	1,05
	Tổng số	796	562	0,71

Qua 3 năm nghiên cứu về vật chủ và trung gian truyền bệnh ở khu dân cư thu được 2074 chuột và 562 bọ chét. *R. exulans* chiếm 66,4%, tiếp theo là *R. murinus* chiếm 27,2%. 100% là bọ chét *X. cheopis*. Chỉ số bọ chét trung bình trong 3 năm là 0,72 và có xu hướng giảm nhẹ nhưng chỉ số bọ chét là 0,28. Đây là kết quả của các biện pháp diệt bọ chét đã triển khai trong nghiên cứu.

Hình 2. Diễn biến CSPP và CSBC tại xã Lapét năm 2003.

2. Một số kết quả nghiên cứu nguyên nhân dai dẳng

Bảng 2. Mái nhà có lợp tranh

Lợp tranh	lapet	labang	Tổng	OR
Có	12	25	37	0,29
Không	288	175	463	
Tổng	300	200	500	

Bảng 3. Yếu tố nhà sàn

Chỉ tiêu	lapet	labang	Tổng	OR
Nhà sàn	42	4	46	7,97
Không sàn	258	196	454	
Tổng	300	200	500	

Bảng 4. Nông sản để trong nhà

Nông sản trong nhà	lapet	labang	Tổng	OR
Có	210	58	268	5,71
Không	90	142	232	
Tổng	300	200	500	

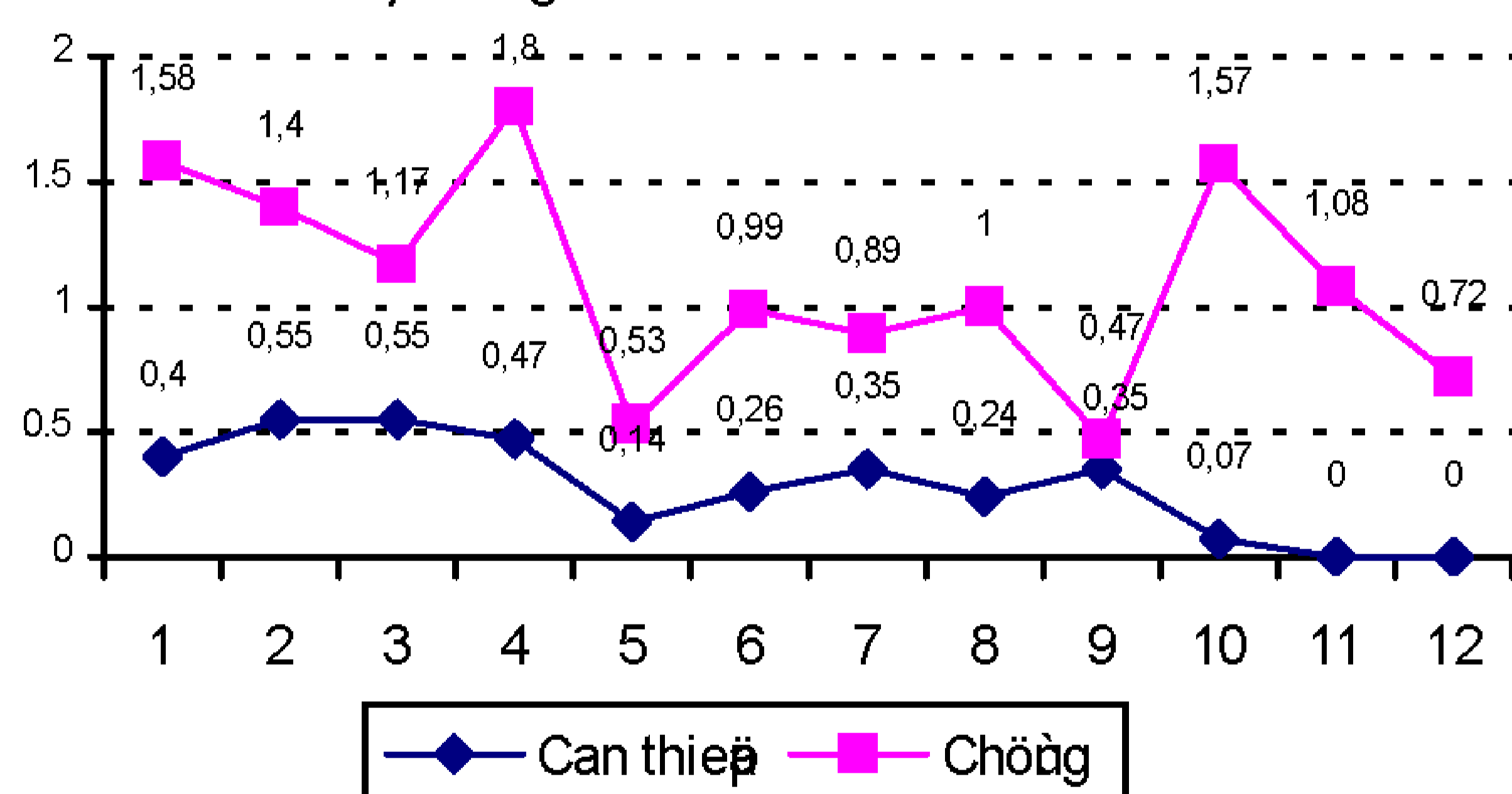
Bảng 5. Gia đình có trồng cà phê

Gia đình có trồng cà phê	lapet	labang	Tổng	OR
Có trồng	125	21	146	6,09
Không trồng	175	179	354	
Tổng	300	200	500	

Qua nghiên cứu một số yếu tố dai dẳng ghi nhận: mái nhà có lợp tranh: Không liên quan. Nhà sàn, nông sản để trong nhà, không trồng cà phê có liên quan đến sự tồn tại dai dẳng của dịch.

3. Kết quả của các biện pháp triển khai.

3.1. Kết quả nghiên cứu về CSBC



Hình 3. So sánh CSBC của điểm can thiệp và chứng.

So sánh CSBC tại thôn 10, xã lapét là điểm đã áp dụng các biện pháp tổng hợp và Thôn Kơ Tu, xã Glar là nơi chỉ giám sát cho thấy CSBC ở mức an toàn (<1). Trái lại điểm không được áp dụng biện pháp thì chỉ số bọ chết luôn luôn ở mức báo động và nguy cơ dịch có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu như xuất hiện mầm bệnh.

3.2. Một số kết quả xét nghiệm vi sinh vật dịch hạch

Bảng 6. Kết quả phân lập và xét nghiệm huyết thanh vi sinh vật dịch hạch

Năm	Chuột				Bọ chết	
	Phân lập		Huyết thanh		n	(+)
	n	(+)	n	(+)		
2001	707	9	691	12	103	1
2002	555	0	556	2	120	0
2003	796	0	796	18	72	0

Bảng 7. Kết quả xét nghiệm huyết thanh người trong vùng có nguy cơ

NĂM	Phản ứng ELIZA		Phản ứng ngưng kết		Phản ứng trung hòa	
	n	(+)	n	(+)	n	(+)
2001	220	40	220	42	220	40
2002	166	31	166	31	166	31

2003	9	3	9	3	9	3
Tổng	395	74	395	76	395	34

Kết quả xét nghiệm vi sinh dịch hạch cho thấy dịch vẫn đang tồn tại theo xu hướng giảm. Trong năm 2002 và 2003, không phân lập được vi khuẩn dịch hạch ở chuột và bọ chét.

2.1. Kết quả nghiên cứu về kiến thức của người dân về bệnh dịch hạch

Nhìn chung cộng đồng cho đến nay đã có những hiểu biết cơ bản về bệnh dịch hạch, biết phát hiện và báo cáo ngay khi thấy có hiện tượng chuột chết tự nhiên. Các trường hợp nghi ngờ bệnh dịch hạch đều đến cơ sở y tế khám và điều trị. Cộng đồng chủ động tham gia hợp tác thực hiện các biện pháp chống dịch chủ động.

Bảng 8. Kiến thức của cộng đồng trước và sau khi can thiệp.

Xã	Thời gian	số phỏng vấn	Số trả lời đúng	OR
la Bắng	Trước truyền thông	755	326	38,2
	Sau truyền thông	750	725	(24,6-59,7)
GLar	Trước truyền thông	288	130	9,42
	Sau truyền thông	280	248	(5,97-14,92)
la Pét	Trước truyền thông	650	222	11,1
	Sau truyền thông	743	633	(8,5-14,5)

Sau triển khai các biện pháp truyền thông về kiến thức cơ bản về phòng chống bệnh dịch hạch thì kiến thức của người dân đã tăng rõ rệt.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

. Bệnh nhân tại huyện Đak Đoa chiếm hầu hết số mắc và chết trong tỉnh. Năm 1997 là 32/4, 1998: 14/5, 1999: 34/3, 2000: 12/0, 2001: 3/2 và 2002: 4/0. Từ năm 2003 đến nay, không ghi nhận bệnh nhân dịch hạch. *R. exulans* chiếm chủ yếu (66,4%) tiếp theo là *R. muninus* 27,2%. 100% là *X. cheopis*. Chỉ số bọ chét trung bình trong 3 năm là 0,72 và có xu hướng giảm, thấp nhất là 0,28. Đây là hiệu quả của các biện pháp diệt bọ chét đã triển khai trong nghiên cứu.

. Một số yếu tố dai dẳng ghi nhận là nhà sàn, nông sản để trong nhà, không trồng cà phê có liên quan đến sự tồn tại dai dẳng của dịch.

. Biện pháp phun hóa chất và đặt hộp mồi Kartman có hiệu lực diệt bọ chét phòng chống dịch. Trong năm 2002 và 2003, không phân lập được vi khuẩn dịch hạch ở chuột và bọ chét. Chỉ số bọ chét ở mức an toàn. Kiến thức người dân về phòng chống dịch hạch tăng lên, có ý nghĩa trong phòng chống dịch hạch.

2. Đề nghị

Tiếp tục giám sát và triển khai chặt chẽ các biện pháp phòng chống, tiến tới sớm loại trừ bệnh dịch hạch tại huyện Đak Đoa trong một tương lai không xa. Đối với các ổ dịch khác: Cần phải xây dựng kế hoạch phòng chống với các biện pháp cơ bản là diệt bọ chét bằng sử dụng hộp mồi Kartman, có sự tham gia của cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tuấn Đạt, Phạm Văn Hậu. Bệnh dịch hạch: dịch tễ học, giám sát và phòng chống. Hà Nội; Nhà xuất bản Y học 2003.

2. Bộ Y tế. Quyết định số 33/2003/QĐ-BYT ngày 7 tháng 01 năm 2003 về việc ban hành "Thường quy giám sát và phòng, chống bệnh dịch hạch".